TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST
Ngày: 09 - 9 - 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Nình Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-KDTM ngày 25/12/2024 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-KDTM ngày 25/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-KDTM ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 T, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang D; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam. (Theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024).

Đại diện theo ủy quyền lại gồm:

+ Bà Phạm Thị Nguyệt T - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Nguyễn Đình H - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đinh Thị N - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Mai Huy H - Phó phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Trần Nam S - Phó phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đỗ Thùy N - Phó phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Phạm Thị Hà M - Phòng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Phạm Thị H - Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Vũ Thị L - Phó phòng bán lẻ Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Vũ Văn H - Trưởng phòng giao dịch Đồng Văn Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Đào Thị Tố L -Trưởng phòng giao dịch Phủ Lý Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng V - Trưởng phòng giao dịch Lê Hồng Phong Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Hoàng Quang V - Trưởng phòng giao dịch Trần Hưng Đạo Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Lương Chí D - Trưởng phòng giao dịch Lý Nhân Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Phạm Quang H - Trưởng phòng giao dịch Kiện Khê Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Phạm Tiến H -Trưởng phòng giao dịch Thanh Liêm Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Bà Trần Thị Thu H - Phó phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

+ Ông Lê Ngọc T - Cán bộ phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hà Nam.

Cùng địa chỉ: Số 211 đường L, phường P, tỉnh Ninh Bình.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 571 đường L, tổ 11, phường P, tỉnh Ninh Bình.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967.
- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1987.
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989.
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, phường P, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Tổ 11, phường P, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang chấp hành án tại đội 34, phân trại 2, Trại giam N.
- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975.
- Bà Phan Thị L, sinh năm 1980.
- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa có mặt ông Mai Huy H, bà Trần Thị Thu H; vắng mặt ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L, bà Phan Thị L, anh Nguyễn Văn M không có lý do; ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn M vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C (sau đây gọi là V) ông Mai Huy H trình bày:

Ông Nguyễn Văn T vay tiền tại V theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022, cụ thể như sau: Số tiền vay: 450.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm; lãi suất dư nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 17/11/2022, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/11/2023; mục đích cho vay là thanh toán tiền mua các loại vật liệu xây dựng để phục vụ hoạt động kinh doanh; phương thức giải ngân là chuyển khoản số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 2906205005739, mở tại Ngân hàng Agribank Hà Nam mang tên Trần Thị Phương H.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn T đã thế chấp tại V tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 251m^2 đất ở tại đô thị mang tên ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 840307 ngày 05/02/2013, số vào sổ cấp GCN: CH00039. Tài sản trên thửa đất là 01 ngôi nhà 03 tầng bê tông cốt thép khép kín, diện tích sử dụng là 390m^2; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2014/HĐTC ngày 14/8/2014 ký giữa VietinBank với ông Nguyễn Văn T được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Nam và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Quá trình thực hiện Hợp đồng thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay được quy định trong Hợp đồng. Đến ngày 17/11/2023 là ngày hết hạn trả nợ khoản vay trên, nhưng ông T không trả nợ vay cho V. V đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông T không trả hết số tiền còn nợ. Tính đến ngày 27/6/2025, ông T còn nợ V tổng số tiền là 566.273.640 đồng, trong đó: Nợ gốc: 443.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 88.858.315 đồng, nợ lãi đối với dư nợ gốc quá hạn: 34.415.325 đồng.

V khởi kiện ông T, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình giải quyết, cụ thể như sau:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán trả nợ cho V toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 tổng số tiền là 566.273.640 đồng, trong đó: Nợ gốc là 443.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 88.858.315 đồng, nợ lãi đối với dư nợ gốc quá hạn là 34.415.325 đồng, Hợp đồng tín dụng số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022.

2/ Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T thanh toán hết số nợ cho V.

3/ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho V là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2014/HĐTC ngày 14/8/2014 ký giữa V với ông Nguyễn Văn T được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Nam.

Ngày 27/6/2025 đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút toàn bộ phần tài sản bảo đảm đối với ông Nguyễn Văn T, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản bảo đảm trong vụ án này.

Nay V khởi kiện ông Nguyễn Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán trả nợ cho V toàn bộ số tiền tính đến ngày 27/6/2025 tổng số tiền là 566.273.640 đồng, trong đó: Nợ gốc là 443.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 88.858.315 đồng, nợ lãi đối với dư nợ gốc quá hạn là 34.415.325 đồng, Hợp đồng tín dụng số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022.

2/ Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T thanh toán hết số nợ cho VietinBank.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T có quan điểm:

Ông công nhận số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, tài sản thế chấp tại các Hợp đồng đã ký kết giữa ông với V là đúng. Tính đến ngày 27/6/2025 ông còn nợ V số tiền 566.273.641 đồng (trong đó nợ gốc là: 443.000.000 đồng, lãi là 123.273.640 đồng (trong đó lãi trong hạn: 88.858.315 đồng, lãi đối với dư nợ gốc quá hạn: 34.415.325 đồng). Nay V khởi kiện yêu cầu ông trả toàn bộ số nợ nêu trên ông nhất trí toàn bộ theo khởi kiện của V.

Về việc V tự nguyện rút một phần nội dung khởi kiện đối với tài sản thế chấp ông hoàn toàn nhất trí.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có quan điểm: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và phần trình bày quan điểm của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn Văn V có quan điểm: Nguồn gốc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 251m^2 đất ở tại đô thị; địa chỉ: tổ 11, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) là của bố mẹ ông (cụ Nguyễn Văn S và cụ Phan Thị X, đều đã chết); tài sản trên đất là 01 căn nhà 02 tầng của bố mẹ ông xây dựng từ năm 1996 và để lại cho ông, vợ chồng ông sinh sống tại căn nhà này từ nhỏ đến nay. Ông không biết vì lý do gì mà thửa đất bố mẹ ông để lại lại mang tên ông Nguyễn Văn T (là anh ruột của ông), đồng thời ông cũng không biết việc ông T thế chấp thửa đất và tài sản trên đất để vay tiền của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi tiền ông T và xử lý tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên, ông không nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản là nhà đất nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Nguyễn Văn M: Anh là con trai của ông Nguyễn Văn T, anh xác định quá trình sinh sống không có công sức đóng góp gì đối với tài sản trên đất. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi tiền đối với ông T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L, bà Phan Thị L, anh Nguyễn Văn M Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để làm việc nên không có quan điểm trình bày.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Mai Huy H xuất trình 01 bảng tính lãi, theo đó số tiền mà ông Nguyễn Văn T còn nợ V tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2025) là 557.804.290đ (năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 422.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.212.069 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 38.592.221 đồng. Ông H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

- Bị đơn ông Nguyễn văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có quan điểm trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghỉ nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, các Điều 144, 147, 212, 217, 227, 228, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 292; các Điều 295, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí; Khoản 2, Khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

- Chấp nhận yêu cầu đòi tiền nợ của V đối với ông Nguyễn Văn T. Buộc ông T phải trả nợ cho V toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay số 01/2022-HĐCV/NHCT384 ngày 17/11/2022 tính đến ngày 09/9/2025 là 557.804.290đ (năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 422.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.212.069 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 38.592.221 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm đối với ông Nguyễn Văn T.

- Về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định tại chỗ: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa V với ông Nguyễn Văn T với mục đích vay là để thanh toán tiền mua máy móc và thanh toán các chi phí khác phục vụ khai thác, chế biến đá kinh doanh. V và hộ gia đình ông T đều đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận; ông T có địa chỉ tại tổ 11, phường L, thành phố P (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương

mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị L, bà Phan Thị L, anh Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ hai không có ly do, không có người đại diện tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn M vắng mặt có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp về hợp đồng giữa các bên vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Theo Thỏa thuận về các điều kiện, điều khoản chung; V đã cho ông Nguyễn Văn T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022, số tiền mà V giải ngân cho ông T vay là 450.000.000 đồng. Tính đến ngày 27/6/2025 ông T còn nợ V số tiền 566.273.641 đồng (trong đó nợ gốc là: 443.000.000 đồng, lãi là 123.273.640 đồng (trong đó lãi trong hạn: 88.858.315 đồng, lãi đối với dư nợ gốc quá hạn: 34.415.325 đồng); mục đích vay là thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng các loại phục vụ hoạt động kinh doanh; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 17/11/2023, tuy nhiên do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn từ ngày 01/6/2023.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2025), ông T đã trả cho V số tiền gốc là 28.000.000 đồng, ông T còn nợ V tổng số tiền là 557.804.290đ (năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 422.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.212.069 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 38.592.221 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa bên cho vay là VietinBank với bên vay là ông Nguyễn Văn T, nội dung và hình thức của Hợp đồng tín dụng nêu trên đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự. Đối chiếu với nội dung của Hợp đồng tín dụng nêu trên, cũng như quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, thấy: Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng ký giữa hai bên về thời hạn trả nợ. Việc V yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số nợ của Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2025) tổng số tiền là 557.804.290 đồng); trong đó: Nợ gốc là 422.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.212.069 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 38.592.221 đồng (có bảng kê chi tiết kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng cho vay số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022 đã ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần được chấp nhận.

[3.2] Về tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Thanh đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 251m^2 đất ở tại đô thị mang tên ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Tổ 11, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là Phường P, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 840307, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00039 do Ủy ban nhân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp ngày 05/02/2013; tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng bê tông khép kín, diện tích sử dụng là 390 m^2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2014/HĐTC ngày 14/8/2014 đã ký giữa đôi bên và đã được công chứng, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 27/6/2025 đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ phần tài sản thế chấp đối với ông Nguyễn Văn T, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản bảo đảm trong vụ án này.

Ngày 27/6/2025, đại diện hợp pháp của V có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ các tài sản bảo đảm, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC ngày 14/8/2014. Xét thấy việc V rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ: HĐXX thấy rằng yêu cầu của V phù hợp với quy định trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận tự nguyện giao kết và phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Đối chiếu với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì yêu cầu này của VietinBank có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 116, 117, 275, 280, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V) đối với ông Nguyễn Văn T, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho V tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2025) là: 557.804.290đ (năm trăm năm mươi bảy triệu tám trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 422.000.000đ (bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 97.212.069đ (chín mươi bảy triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm sáu mươi chín đồng); nợ lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 38.592.221đ (ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn hai trăm hai mươi mốt đồng).

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất hai bên thỏa thuận là lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng cho vay số 01/2022-HĐCV/NHCT384 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 17/11/2022).

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của VietinBank đối với toàn bộ tài sản bảo đảm mà ông Nguyễn Văn T đã thế chấp cho VietinBank.

4/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 26.312.171đ làm tròn thành 26.312.000đ (hai mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho V số tiền 6.128.000đ (sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) mà bà Trần Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 00002104 ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân